

DANH SÁCH THỪA ĐẤT

(kèm theo văn bản số: /TB-UBND, ngày 09/9/2026 của UBND xã Bình Thành)

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
1	Nguyễn Thanh Sơn	1963	Nam	Thôn 3- E29, Xã Đắc Môl, Huyện Đăk	53	180	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	976.4	CLN	976.4
2	Nguyễn Thanh Sơn	1963	Nam	Thôn 3- E29, Xã Đắc Môl, Huyện Đăk	53	199	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	791.3	ONT	791.3
3	Nguyễn Thanh Sơn	1963	Nam	Thôn 3- E29, Xã Đắc Môl, Huyện Đăk	53	139	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2553.9	CLN	2553.9
4	Nguyễn Thanh Sơn	1963	Nam	Thôn 3- E29, Xã Đắc Môl, Huyện Đăk	64	42	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	618.6	LUC	618.6
5	Hoàng Văn Cương	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	93	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	621.8	LUK	621.8
6	Hoàng Văn Cương	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	51	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	3107.9	ONT	3107.9
7	Hoàng Văn Ngạnh	1952	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	292	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1559.9	RSX	1559.9
8	Hoàng Văn Thúc	1969	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	41	188	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	368.5	ONT	368.5
9	Lê Thị Hiền	1965	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	286	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	79.9	LUC	79.9
10	Lê Thị Hiền	1965	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	66	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	588.5	CLN	588.5
11	Lê Thị Hiền	1965	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	284	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	57.2	LUC	57.2
12	Lý Văn Tuyển	1973	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	66	21	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	67.7	LUC	67.7
13	Lý Văn Tuyển	1973	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	66	43	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2588.4	CLN	2588.4
14	Ma Đình Dân	1962	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	50	309	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	495.2	LUC	495.2
15	Ma Đình Dân	1962	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	50	307	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	92.2	LUC	92.2
16	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	53	128	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	324.5	LUC	324.5
17	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	53	127	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	368.8	CLN	368.8
18	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	53	59	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1512.9	CLN	1512.9
19	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	54	91	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	285.1	LUC	285.1
20	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	54	103	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	143.7	LUC	143.7
21	Ma Khánh Anh	1951	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	54	90	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	647.5	LUC	647.5
22	Ma Khánh Mười	1978	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	53	165	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	193.4	LUK	193.4
23	Ma Thị Thêm	1964	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	16	38	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	310.6	LUK	310.6
24	Ma Thị Xuyên	1980	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	10	10	xã Sơn Phú (cũ), Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	73.7	LUC	73.7
25	Nguyễn Đình Lợi	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	28	153	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	714.7	CLN	714.7

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
26	Nguyễn Quang Dũng	1967	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	9	28	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	720.0	CLN	720.0
27	Nguyễn Thị Hương	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	19	284	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	913.6	CLN	913.6
28	Nguyễn Thị Nhung	1980	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	19	232	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	314.2	LUC	314.2
29	Nguyễn Văn Chín	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	51	8	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2096.4	ONT	2096.4
30	Nguyễn Văn Chín	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	51	6	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	864.1	CLN	864.1
31	Nguyễn Văn Chín	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	51	55	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	170.9	LUC	170.9
32	Nguyễn Văn Chín	1959	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	52	423	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	184.1	CLN	184.1
33	Nguyễn Văn Hợi	1983	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	35	185	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1150.1	CLN	1150.1
34	Nguyễn Văn Hợi	1983	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	35	213	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1306.7	ONT	1306.7
35	Nguyễn Văn Quyết	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	68	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	128.6	LUC	128.6
36	Nguyễn Văn Quyết	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	41	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	821.1	LUC	821.1
37	Nguyễn Văn Quyết	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	34	25	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	282.3	LUC	282.3
38	Nguyễn Văn Quyết	1963	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	41	63	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	360.8	CLN	360.8
39	Nguyễn Văn Sỹ	1968	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	14	2	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	840.9	NTS	840.9
40	Nguyễn Văn Sỹ	1968	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	14	3	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	10724.9	CLN	10724.9
41	Nguyễn Văn Sỹ	1968	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	14	4	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	624.7	CLN	624.7
42	Nguyễn Văn Sỹ	1968	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	19	33	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	812.3	LUC	812.3
43	Nguyễn Văn Sỹ	1968	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	19	32	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	638.0	LUC	638.0
44	Nguyễn Văn Thơm	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	35	80	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	94.7	BHK	94.7
45	Nguyễn Văn Yên	1964	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	26	81	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	268.1	LUC	268.1
46	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	51	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	781.8	ONT	781.8
47	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	5	132	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1113.4	ONT	1113.4
48	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	5	133	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	614.6	LUK	614.6
49	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	8	1	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	503.7	LUK	503.7
50	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	8	23	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	574.3	LUC	574.3
51	Trần Thị Bình	1969	Nữ	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	9	87	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	633.8	LUC	633.8
52	Trần Văn Chính	1952	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	9	62	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1828.5	CLN	1828.5

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
53	Trần Văn Đạo	1961	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	32	101	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1214.5	CLN	1214.5
54	Trần Văn Đạo	1961	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	33	391	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	76.5	LUC	76.5
55	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	39	161	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	246.6	ONT	246.6
56	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	46	70	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	424.9	CLN	424.9
57	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	46	66	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	408.9	CLN	408.9
58	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	47	197	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1524.4	ONT	1524.4
59	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	57	33	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	114.6	LUC	114.6
60	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	72	97	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	885.1	LUK	885.1
61	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	72	77	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	705.5	LUK	705.5
62	Trần Văn Dũng	1957	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	72	95	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	620.4	LUK	620.4
63	Trần Văn Dương	1954	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	53	22	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2385.9	ONT	2385.9
64	Trần Văn Hà	1964	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	27	120	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	980.7	LUC	980.7
65	Trần Văn Hà	1964	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	69	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	563.5	CLN	563.5
66	Trần Văn Hà	1964	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	42	309	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	357.2	LUK	357.2
67	Trần Văn Hùng	1964	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	68	38	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	372.6	LUC	372.6
68	Trần Văn Sáng	1960	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	48	92	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1217.0	ONT	1217.0
69	Trần Văn Thành	1971	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	33	281	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	877.0	LUC	877.0
70	Trần Văn Thành	1971	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	33	209	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	174.4	CLN	174.4
71	Trần Văn Tuyên	1970	Nam	xã Bình Yên, tỉnh Thái Nguyên	12	42	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	5268.0	RSX	5268.0
72	Hoàng Thị Nguyệt	1982	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	33	198	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	81.7	CLN	81.7
73	Hoàng Văn Bảo	1966	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	63	228	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	416.2	LUC	416.2
74	Hoàng Văn Hiệp	1971	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	120	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	283.5	LUC	283.5
75	Hoàng Văn Hiệp	1971	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	117	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	486.5	CLN	486.5
76	Hoàng Văn Ngoan	1965	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	61	191	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1195.5	LUC	1195.5
77	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	407	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	745.8	CLN	745.8
78	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	296	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	134.0	LUC	134.0
79	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	50	92	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	145.6	LUC	145.6

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
80	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	50	38	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	260.5	LUC	260.5
81	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	4	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	172.1	CLN	172.1
82	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	104	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	237.9	LUC	237.9
83	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	59	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	431.1	LUC	431.1
84	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	21	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1159.5	CLN	1159.5
85	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	81	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1547.2	CLN	1547.2
86	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	51	226	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	769.8	RSX	769.8
87	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	55	147	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	148.8	LUC	148.8
88	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	55	192	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	82.4	LUC	82.4
89	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	55	133	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	343.2	LUC	343.2
90	Hoàng Văn Sơn	1942	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	66	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	871.2	CLN	871.2
91	Hoàng Văn Tập	1968	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	63	246	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	454.8	ONT	454.8
92	Hoàng Văn Thái	1953	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	33	107	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1155.2	LUC	1155.2
93	Hoàng Văn Thái	1953	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	33	290	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	113.8	CLN	113.8
94	Hoàng Văn Thành	1965	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	121	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	184.5	NTS	184.5
95	Hoàng Văn Thành	1965	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	106	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1220.1	ONT	1220.1
96	Hoàng Văn Thành	1965	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	43	112	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2142.6	RSX	2142.6
97	Hoàng Văn Thư	1959	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	73	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	123.5	ONT	123.5
98	Lý Văn Ngọc	1982	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	42	314	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	692.7	CLN	692.7
99	Ma Thị Tàng	1945	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	15	18	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	33.5	LUK	33.5
100	Ngô Văn Thành	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	53	4	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	23.9	ONT	23.9
101	Nguyễn Hữu Dũng	1976	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	44	47	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	98.5	LUK	98.5
102	Nguyễn Ngọc Sơn	1973	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	33	289	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	103.0	CLN	103.0
103	Nguyễn Thị Dung	1978	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	35	172	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	305.6	LUC	305.6
104	Nguyễn Thị Dung	1978	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	35	66	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	659.4	ONT	659.4
105	Nguyễn Thị Dung	1978	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	35	67	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	632.7	BHK	632.7
106	Nguyễn Thị Hoa	1984	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	215	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	202.6	LUC	202.6

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
107	Nguyễn Thị Hoa	1984	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	203	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	254.5	LUC	254.5
108	Nguyễn Thị Hoa	1984	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	214	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	218.3	LUC	218.3
109	Nguyễn Thị Hoa	1984	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	204	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	150.2	LUC	150.2
110	Nguyễn Thị Hoa	1984	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	52	219	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	344.9	ONT	344.9
111	Nguyễn Thị Xoan	1948	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	45	75	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1432.4	CLN	1432.4
112	Nguyễn Văn Bằng	1973	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	222	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1354.4	LUC	1354.4
113	Nguyễn Văn Bình	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	42	247	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1114.9	ONT	1114.9
114	Nguyễn Văn Đoàn	1973	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	53	235	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1322.8	ONT	1322.8
115	Nguyễn Văn Đức	1976	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	32	53	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	243.4	LUK	243.4
116	Nguyễn Văn Đức	1976	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	65	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	417.9	CLN	417.9
117	Nguyễn Văn Đức	1976	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	66	34	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1290.0	RSX	1290.0
118	Nguyễn Văn Hải	1959	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	14	12	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	770.8	NTS	770.8
119	Nguyễn Văn Hải	1959	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	14	34	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	124.9	LUC	124.9
120	Nguyễn Văn Hải	1959	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	19	9	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	167.1	LUC	167.1
121	Nguyễn Văn Hải	1959	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	69	20	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2140.9	ONT	2140.9
122	Nguyễn Văn Thắng	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	27	182	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1343.7	LUC	1343.7
123	Nguyễn Văn Thắng	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	27	165	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	539.8	LUC	539.8
124	Nguyễn Văn Thắng	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	27	200	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	493.8	LUC	493.8
125	Nguyễn Văn Thắng	1967	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	33	45	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	271.0	BHK	271.0
126	Nguyễn Văn Thịnh	1984	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	42	29	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	565.8	CLN	565.8
127	Nguyễn Văn Tuấn	1966	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	54	299	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	113.2	RSX	113.2
128	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	46	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	79.8	LUK	79.8
129	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	54	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	121.3	LUK	121.3
130	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	250.1	LUK	250.1
131	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	45	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	271.7	LUK	271.7
132	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	63	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	201.8	LUK	201.8
133	Nguyễn Xuân Cường	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	6	64	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	410.2	LUK	410.2

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	ĐịaChí thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
134	Phạm Văn Lương	1969	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	55	265	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2247.8	ONT	2247.8
135	Trần Văn Chương	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	8	179	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	6785.8	RSX	6785.8
136	Trần Văn Chương	1963	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	8	13	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	128.5	CLN	128.5
137	Trần Văn Hoàn	1983	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	48	391	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	117.2	LUC	117.2
138	Trần Văn Hoàn	1983	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	48	392	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	298.1	LUC	298.1
139	Trần Văn Liên	1969	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	72	70	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	416.0	LUK	416.0
140	Trần Văn Nguyên	1977	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	47	187	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	859.6	RSX	859.6
141	Trần Văn Nguyên	1977	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	68	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	489.5	LUC	489.5
142	Trần Văn Thanh	1966	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	32	207	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	570.9	ONT	570.9
143	Trần Văn Thanh	1966	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	42	72	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	461.6	CLN	461.6
144	Vì Văn Bằng	1960	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	71	14	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2466.1	ONT	2466.1
145	Vũ Thị Hiến	1979	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	52	243	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	239.2	LUC	239.2
146	Vũ Thị Hiến	1979	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	52	242	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	437.0	ONT	437.0
147	Vũ Thị Hiến	1979	Nữ	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	62	20	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1494.1	CLN	1494.1
148	Vũ Văn Hải	1978	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	263	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	71.6	LUC	71.6
149	Vũ Văn Hải	1978	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	152	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	169.4	BHK	169.4
150	Vũ Văn Hải	1978	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	41	360	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	509.2	LUC	509.2
151	Vũ Văn Sơn	1969	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	44	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	793.9	NTS	793.9
152	Vũ Văn Tiến	1970	Nam	xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	44	6	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1571.4	ONT	1571.4
153	Hà Văn Thắng	1961	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	78	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	136.5	CLN	136.5
154	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	320	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	495.3	LUC	495.3
155	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	303	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	839.0	LUC	839.0
156	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	321	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	768.1	LUC	768.1
157	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	283	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	533.2	NTS	533.2
158	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	244	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	3525.9	ONT	3525.9
159	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	282	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	545.2	NTS	545.2
160	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	304	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	176.2	LUC	176.2

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
161	Hoàng Thị Hành	1968	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	50	305	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	57.3	BHK	57.3
162	Hoàng Văn Bình	1969	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	25	190	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	875.4	LUC	875.4
163	Hoàng Văn Đông	1978	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	41	314	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1030.2	CLN	1030.2
164	Hoàng Văn Đông	1978	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	157	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	82.6	LUC	82.6
165	Hoàng Văn Đông	1978	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	133	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	343.2	LUC	343.2
166	Hoàng Văn Đông	1978	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	160	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	373.3	LUC	373.3
167	Hoàng Văn Đông	1978	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	228	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2344.7	CLN	2344.7
168	Hoàng Văn Đồng	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	93	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	406.6	LUK	406.6
169	Hoàng Văn Hoan	1967	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	42	234	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	34.2	LUK	34.2
170	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	63	290	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	866.2	ONT	866.2
171	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	331	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	371.0	LUC	371.0
172	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	306	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	279.8	LUC	279.8
173	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	294	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	372.9	LUC	372.9
174	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	333	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	141.1	BHK	141.1
175	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	322	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	264.6	LUC	264.6
176	Hoàng Văn Học	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	74	4	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	182.5	BHK	182.5
177	Hoàng Văn Khoa	1987	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	227	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1370.5	CLN	1370.5
178	Hoàng Văn Lệnh	1973	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	73	103	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	368.2	BHK	368.2
179	Hoàng Văn Lệnh	1973	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	74	44	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	553.3	LUC	553.3
180	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	63	222	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2290.4	CLN	2290.4
181	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	310	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	335.9	LUC	335.9
182	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	290	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	280.4	LUC	280.4
183	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	272	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	227.6	ONT	227.6
184	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	273	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	250.1	NTS	250.1
185	Hoàng Văn Lý	1966	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	64	289	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	212.2	BHK	212.2
186	Hoàng Văn Quý	1976	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	72	28	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	524.0	CLN	524.0
187	Hoàng Văn Tăng	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	62	223	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1349.5	ONT	1349.5

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
188	Hoàng Văn Tăng	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	72	22	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	416.8	CLN	416.8
189	Lường Văn Canh	1974	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	17	133	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	651.5	ONT	651.5
190	Lường Văn Tâm	1961	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	28	115	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	589.6	NTS	589.6
191	Lý Văn Nhất	1947	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	53	15	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	310.6	ONT	310.6
192	Ma Văn Lợi	1970	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	24	172	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	161.7	LUC	161.7
193	Ma Văn Phong	1976	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	27	26	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	200.7	LUC	200.7
194	Ngô Thị Hoa	1984	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	41	346	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	184.9	CLN	184.9
195	Ngô Văn Chiến	1956	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	59	243	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	313.6	LUC	313.6
196	Ngô Văn Nguyên	1961	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	59	109	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	4159.5	ONT	4159.5
197	Ngô Văn Quyền	1946	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	59	189	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	797.7	ONT	797.7
198	Nguyễn Duy Trình	1942	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	365	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	40.1	CLN	40.1
199	Nguyễn Duy Trình	1942	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	364	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	66.5	CLN	66.5
200	Nguyễn Duy Trình	1942	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	367	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	140.1	CLN	140.1
201	Nguyễn Duy Trình	1942	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	63	7	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1150.9	RSX	1150.9
202	Nguyễn Thị Hồng	1976	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	26	157	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1375.9	LUC	1375.9
203	Nguyễn Thị Hồng	1976	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	42	219	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	358.5	CLN	358.5
204	Nguyễn Thị Hồng	1976	Nữ	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	6	39	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	312.5	ONT	312.5
205	Nguyễn Văn Giang	1970	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	28	190	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	226.2	LUC	226.2
206	Nguyễn Văn Giang	1970	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	35	81	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	878.9	ONT	400.0
207	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	293	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	245.6	BHK	245.6
208	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	263	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	213.2	CLN	213.2
209	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	257	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	42.2	CLN	42.2
210	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	261	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	205.0	CLN	205.0
211	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	33	267	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	726.1	LUC	726.1
212	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	368	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1415.8	CLN	1415.8
213	Phạm Văn Bình	1980	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	260	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	60.1	LUC	60.1
214	Phạm Văn Nam	1985	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	41	221	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	40.1	LUC	40.1

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
215	Trần Văn Chíp	1960	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	8	9	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	4084.7	RSX	4084.7
216	Trần Văn Hiến	1959	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	55	2	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	4714.6	ONT	4714.6
217	Trần Văn Kim	1956	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	46	33	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	497.6	ONT	497.6
218	Trần Văn Linh	1957	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	48	254	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2178.6	CLN	2178.6
219	Trần Văn Linh	1957	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	48	126	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	581.0	ONT	581.0
220	Trần Văn Linh	1957	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	48	281	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	436.8	LUC	436.8
221	Trần Văn Mão	1963	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	46	43	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	529.5	ONT	529.5
222	Trần Văn Quỳnh	1969	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	42	160	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	610.2	NTS	610.2
223	Trần Văn Thuận	1958	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	32	108	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	3183.6	CLN	3183.6
224	Trần Văn Thường	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	47	42	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	725.7	LUC	725.7
225	Trần Văn Tuấn	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	37	50	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	246.4	NTS	246.4
226	Trần Văn Tuấn	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	37	44	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2313.9	ONT	2313.9
227	Trần Văn Tuấn	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	46	24	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	705.8	LUC	705.8
228	Trần Văn Tuấn	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	47	101	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	488.2	LUC	488.2
229	Trần Văn Tuấn	1964	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	47	56	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	719.9	LUC	719.9
230	Trần Văn Viện	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	10	7	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	355.1	LUC	355.1
231	Trần Văn Viện	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	9	127	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	141.7	CLN	141.7
232	Trần Văn Viện	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	9	136	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	785.9	CLN	785.9
233	Trần Văn Viện	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	9	137	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2851.5	ONT	2851.5
234	Trần Văn Viện	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	9	114	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	92.3	CLN	92.3
235	Trần Văn Việt	1977	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	19	142	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	447.3	CLN	447.3
236	Trần Văn Việt	1977	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	20	74	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	129.8	LUC	129.8
237	Trần Văn Việt	1977	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	27	162	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	606.7	LUC	606.7
238	Trần Văn Ý	1972	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	49	210	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	3025.6	CLN	3025.6
239	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	243	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2487.7	CLN	2487.7
240	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	51	270	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2520.3	CLN	2520.3
241	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	287	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	387.1	LUC	387.1

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
242	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	291	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	262.6	LUC	262.6
243	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	304	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	141.5	LUC	141.5
244	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	267	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2763.3	RSX	2763.3
245	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	52	264	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	975.9	ONT	975.9
246	Vũ Văn Hạnh	1971	Nam	xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên	63	10	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	649.4	CLN	649.4
247	Hoàng Văn Dũng	1976	Nam	xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	43	183	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	182.1	LUK	182.1
248	Hoàng Văn Dũng	1976	Nam	xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	51	20	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	413.8	BHK	413.8
249	Hoàng Văn Dũng	1976	Nam	xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	51	32	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2141.8	ONT	2141.8
250	Trần Văn Hải	1967	Nam	xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	26	70	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	151.4	ONT	151.4
251	Hoàng Văn Kiếm	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	63	233	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	847.7	LUC	847.7
252	Hoàng Văn Kiếm	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	64	271	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	174.4	ONT	174.4
253	Hoàng Văn Lực	1952	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	26	290	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	742.2	LUC	742.2
254	Hoàng Văn Lực	1952	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	189	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1618.7	ONT	1618.7
255	Hoàng Văn Lực	1952	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	55	157	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	124.3	LUC	124.3
256	Hoàng Văn Lực	1952	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	55	132	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1322.1	ONT	1322.1
257	Hoàng Văn Lực	1952	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	55	160	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	469.4	LUC	469.4
258	Hoàng Văn Ngọc	1974	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	377	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	842.0	LUC	842.0
259	Hoàng Văn Ngọc	1974	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	43	46	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	175.0	CLN	175.0
260	Hoàng Văn Ngọc	1974	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	43	65	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1787.1	RSX	1787.1
261	Hoàng Văn Sinh	1960	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	142	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	69.1	LUK	69.1
262	Hoàng Văn Tiến	1986	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	244	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	412.1	ONT	412.1
263	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	229	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	294.7	LUC	294.7
264	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	227	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	482.0	LUC	482.0
265	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	250	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	68.9	LUC	68.9
266	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	274	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	6547.1	ONT	6547.1
267	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	232	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	169.3	LUC	169.3
268	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	248	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	264.2	LUC	264.2

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
269	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	228	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	74.9	LUC	74.9
270	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	27	248	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1375.2	CLN	1375.2
271	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	27	238	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	610.4	NTS	610.4
272	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	27	192	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	34.5	LUC	34.5
273	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	28	266	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	124.0	LUC	124.0
274	Hoàng Văn Vinh	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	35	18	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2404.1	CLN	2404.1
275	Ma Doãn Vui	1975	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	27	281	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	500.0	ONT	500.0
276	Ma Thị Nga	1979	Nữ	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	63	43	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	172.0	LUC	172.0
277	Ma Thị Nga	1979	Nữ	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	63	54	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	155.8	LUC	155.8
278	Ma Thị Nga	1979	Nữ	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	63	71	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	254.8	LUK	254.8
279	Ma Thị Nga	1979	Nữ	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	64	32	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2188.7	CLN	2188.7
280	Trần Văn Chí	1957	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	109	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	712.8	ONT	712.8
281	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	381	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	126.0	CLN	126.0
282	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	317	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2448.4	CLN	2448.4
283	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	141	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	413.3	LUC	413.3
284	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	276	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	45.8	CLN	45.8
285	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	72	34	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	427.0	LUK	427.0
286	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	72	53	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	648.4	LUK	648.4
287	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	72	62	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	751.5	LUK	751.5
288	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	72	51	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	407.6	LUK	407.6
289	Trần Văn Công	1959	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	72	52	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	180.5	LUK	180.5
290	Trần Văn Cương	1962	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	39	65	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	682.9	LUC	682.9
291	Trần Văn Đại	1986	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	40	44	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	182.5	ONT	182.5
292	Trần Văn Đình	1970	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	50	264	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	127.1	LUC	127.1
293	Trần Văn Đường	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	50	271	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	197.0	LUC	197.0
294	Trần Văn Đường	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	58	95	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	833.4	LUC	833.4
295	Trần Văn Đường	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	58	23	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1963.7	LUC	1963.7

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
296	Trần Văn Giáo	1950	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	68	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	256.2	LUC	256.2
297	Trần Văn Giáo	1950	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	62	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	736.7	LUC	736.7
298	Trần Văn Giáo	1950	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	67	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	360.3	LUC	360.3
299	Trần Văn Hà	1982	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	41	267	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	482.3	ONT	482.3
300	Trần Văn Hiệp	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	25	201	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	326.3	LUC	326.3
301	Trần Văn Hiệp	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	388	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	23.8	LUC	23.8
302	Trần Văn Hiệp	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	386	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	31.8	BHK	31.8
303	Trần Văn Hiệp	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	358	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	159.4	ONT	159.4
304	Trần Văn Hiệp	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	361	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	119.7	CLN	119.7
305	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	40	100	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	415.3	ONT	415.3
306	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	46	36	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	236.9	LUC	236.9
307	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	229	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	138.2	CLN	138.2
308	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	240	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	408.0	LUC	408.0
309	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	230	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	176.2	NTS	176.2
310	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	312	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	102.4	LUC	102.4
311	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	242	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	502.4	LUC	502.4
312	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	344	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	158.5	LUC	158.5
313	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	307	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	113.3	LUC	113.3
314	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	308	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	216.6	LUC	216.6
315	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	278	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	143.9	LUC	143.9
316	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	306	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	151.2	LUC	151.2
317	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	277	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	108.5	LUC	108.5
318	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	48	343	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	196.6	LUC	196.6
319	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	57	63	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	242.0	LUC	242.0
320	Trần Văn Lực	1956	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	58	339	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	579.9	BHK	579.9
321	Trần Văn Nam	1968	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	20	82	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	390.9	LUC	390.9
322	Trần Văn Phong	1978	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	5	30	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	362.6	BHK	362.6

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
323	Trần Văn Quân	1971	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	73	27	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1839.7	ONT	1839.7
324	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	153	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	200.5	LUC	200.5
325	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	123	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2185.6	CLN	2185.6
326	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	265	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	200.2	LUC	200.2
327	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	218	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	256.8	LUC	256.8
328	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	188	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1053.4	LUC	1053.4
329	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	266	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	317.2	LUC	317.2
330	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	217	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	85.7	LUC	85.7
331	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	243	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	700.9	LUC	700.9
332	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	33	242	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	161.2	LUC	161.2
333	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	34	217	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	8017.6	RSX	8017.6
334	Trần Văn Sơn	1976	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	319	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	445.8	ONT	445.8
335	Trần Văn Thu	1966	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	59	13	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	201.1	LUC	201.1
336	Trần Văn Tình	1979	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	61	76	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	733.7	ONT	733.7
337	Trần Văn Yên	1979	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	232	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	629.4	ONT	629.4
338	Trần Văn Yêu	1979	Nam	xã Phú Đình, tỉnh Thái Nguyên	47	68	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	441.7	CLN	441.7
339	Hoàng Thị Dung	1959	Nữ	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	25	191	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	132.5	LUC	132.5
340	Hoàng Văn Định	1968	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	51	138	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	155.0	LUC	155.0
341	Hoàng Văn Định	1968	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	51	121	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	489.2	LUC	489.2
342	Hoàng Văn Định	1968	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	68	135	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1218.6	CLN	1218.6
343	Hoàng Văn Định	1968	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	68	142	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	514.5	CLN	514.5
344	Hoàng Văn Hải	1973	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	33	32	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	128.9	BHK	128.9
345	Hoàng Văn Hớn	1971	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	64	262	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	861.3	ONT	861.3
346	Hoàng Văn Long	1962	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	28	192	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	51.1	LUC	51.1
347	Hoàng Văn Minh	1962	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	64	117	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	391.4	LUC	391.4
348	Hoàng Văn Phúc	1949	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	58	283	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	113.8	LUC	113.8
349	Hoàng Văn Quang	1965	Nam	xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên	48	401	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	647.0	CLN	647.0

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
350	Hoàng Văn Tài	1953	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	42	323	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	176.5	CLN	176.5
351	Hoàng Văn Tài	1953	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	42	283	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	72.4	LUC	72.4
352	Hoàng Văn Tài	1953	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	42	264	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	77.8	LUC	77.8
353	Hoàng Văn Tài	1953	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	42	287	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	105.4	LUC	105.4
354	Lương Văn Hà	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	28	289	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1155.6	LUC	1155.6
355	Lương Văn Hà	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	28	304	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	63.4	LUC	63.4
356	Lương Văn Tuấn	1970	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	64	68	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	740.2	LUK	740.2
357	Ma Văn Bày	1958	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	10	93	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	338.1	LUK	338.1
358	Ma Văn Bày	1958	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	10	92	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	485.7	LUK	485.7
359	Ma Văn Bày	1958	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	10	73	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	387.4	LUC	387.4
360	Ma Văn Bày	1958	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	9	92	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	729.0	LUC	729.0
361	Ma Văn Bày	1958	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	9	105	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	929.6	LUC	929.6
362	Nguyễn Hữu Minh	1973	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	19	250	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	236.3	LUC	236.3
363	Nguyễn Hữu Minh	1973	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	19	212	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	146.1	CLN	146.1
364	Nguyễn Hữu Minh	1973	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	19	24	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	133.0	LUC	133.0
365	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	11	36	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	257.1	LUK	257.1
366	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	11	37	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	376.2	CLN	376.2
367	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	11	50	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	556.0	LUK	556.0
368	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	11	58	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	280.6	BHK	280.6
369	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	41	36	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1472.7	CLN	1472.7
370	Nguyễn Văn Dương	1963	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	41	375	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	397.3	LUC	397.3
371	Ninh Văn Thắng	1966	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	48	136	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	163.9	CLN	163.9
372	Trần Văn Chức	1969	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	33	200	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	97.4	CLN	97.4
373	Trần Văn Chức	1969	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	33	316	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	736.1	LUC	736.1
374	Trần Văn Chức	1969	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	43	269	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	348.6	LUK	348.6
375	Trần Văn Chức	1969	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	43	176	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	429.3	LUC	429.3
376	Trần Văn Chức	1969	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	43	262	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1834.6	CLN	1834.6

STT	Tên chủ	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ người sử dụng đất	Tờ BD	Thửa đất	Địa chỉ thửa đất	DienTichTD	MucDich	DienTich1
377	Trần Văn Tài	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	33	197	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	157.4	CLN	157.4
378	Trần Văn Tài	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	37	54	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	665.5	LUC	665.5
379	Trần Văn Tài	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	37	69	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	299.7	LUC	299.7
380	Trần Văn Tài	1964	Nam	xã Phương Tiến, tỉnh Thái Nguyên	37	55	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	503.1	LUC	503.1
381	Ma Văn Bằng	1965	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	13	8	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1084.0	CLN	1084.0
382	Ma Văn Trường	1961	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	22	2	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	815.4	NTS	815.4
383	Nguyễn Thị Ngọc	1972	Nữ	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	35	214	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	215.6	BHK	215.6
384	Nguyễn Văn Chiến	1980	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	69	145	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	4449.7	ONT	4449.7
385	Nguyễn Văn Cương	1960	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	52	404	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	137.2	LUK	137.2
386	Nguyễn Văn Hiến	1977	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	44	62	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	467.9	ONT	467.9
387	Nguyễn Văn Hùng	1960	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	53	255	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	389.8	ONT	389.8
388	Nguyễn Văn Hùng	1960	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	69	223	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1021.0	CLN	1021.0
389	Nguyễn Văn Hùng	1960	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	69	257	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2726.7	RSX	2726.7
390	Nguyễn Văn Lâm	1954	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	33	235	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	110.7	CLN	110.7
391	Nguyễn Văn Lâm	1954	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	68	134	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	418.0	RSX	418.0
392	Phạm Văn Hải	1952	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	34	62	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	1092.6	LUC	1092.6
393	Trần Văn Phương	1964	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	9	81	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	811.1	LUC	811.1
394	Trần Văn Phương	1964	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	9	170	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	2882.6	ONT	2882.6
395	Trần Văn Phương	1964	Nam	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	9	147	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	704.9	CLN	704.9
396	Vũ Thị Tâm	1949	Nữ	xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	41	345	xã Sơn Phú, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	367.1	CLN	367.1